

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TÀI CHÍNH

HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

TRẦN THẾ LŨ

**HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng
Mã số: 9.34.02.01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ KINH TẾ

Hà Nội - 2018

**Công trình được hoàn thành
tại Học viện tài chính**

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Dương Đăng Chinh

Phản biện 1:.....
.....

Phản biện2:
.....

Phản biện 3:
.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Học viện, họp
tại Học viện Tài chính

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2018

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Tài chính

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài Luận án

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao luôn là đòi hỏi của mỗi quốc gia, của mỗi nền kinh tế. GDNN là một trong những kênh để đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế theo hướng hội nhập kinh tế quốc tế. Mục tiêu của GDNN là tạo bước chuyển biến rõ nét, thực chất về chất lượng, hiệu quả GDNN đáp ứng yêu cầu của người học, thị trường lao động và doanh nghiệp, đặc biệt là những ngành đòi hỏi kỹ thuật, công nghệ cao của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Trong những năm gần đây, Nhà nước đã quan tâm nhiều về lĩnh vực GDNN, đặc biệt là ban hành nhiều cơ chế tài chính tạo điều kiện cho các cơ sở GDNN nâng cao chất lượng đào tạo và mở rộng quy mô đào tạo. Các cơ sở GDNN không ngừng tự đổi mới, nâng cao uy tín, danh tiếng, cải tiến nội dung chương trình giảng dạy nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội; không ngừng tìm kiếm các cơ hội liên kết với các đối tác trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng và cung ứng nguồn nhân lực tốt cho xã hội. Tuy nhiên, nguồn lực tài chính vẫn chưa đáp ứng được đòi hỏi của các cơ sở GDNN và cần phải ngày càng hoàn thiện cơ chế để huy động nguồn tài chính, đặc biệt nguồn tài chính ngoài NSNN.

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình đã công bố trước đây và những vấn đề chưa được làm rõ về mặt lý luận và thực tiễn về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập, với mong muốn giải quyết các vấn đề còn bỏ ngỏ của các nghiên cứu trước, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài “*Huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam*” để làm luận án tiến sĩ kinh tế.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát

Xác lập căn cứ khoa học và thực tiễn và đề xuất các giải pháp huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hoá và làm rõ thêm những vấn đề lý luận về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN.

- Phân tích và đánh giá thực tiễn huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

- Đổi mới các giải pháp huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: những vấn đề lý luận và thực tiễn về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung: nghiên cứu vấn đề huy động nguồn tài chính bao gồm cả nguồn NSNN và ngoài NSNN tại các cơ sở GDNN công lập.

Về không gian: Giới hạn trong các cơ sở GDNN công lập và phát 400 phiếu điều tra bằng bảng hỏi gửi đến các sinh viên đang theo học tại 10 trường CĐN và 5 trường TCN trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp công lập Việt Nam. Luận án chọn các trường CĐN và TCN

Về thời gian: Các tài liệu được thu thập từ 2006 - 2017 và giải pháp cho giai đoạn 2018-2022, tầm nhìn đến 2030.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Để thực hiện mục tiêu, phạm vi, đối tượng nghiên cứu của đề tài, NCS sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong suốt quá trình nghiên cứu.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, Luận án dựa trên sự kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng luận về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nói chung và GDNN nói riêng. Phương pháp này còn được sử dụng trong phân tích tác động của cơ chế huy động nguồn tài chính đến việc tăng cường công tác quản lý nguồn tài chính đối với các cơ sở GDNN, cũng như các nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan ảnh hưởng đến huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN.

Phương pháp định lượng được sử dụng để mô tả kết quả cụ thể của cơ chế huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập, trong từng kênh huy động được sử dụng thông qua kết quả điều tra chọn mẫu tại một số cơ sở GDNN điển hình.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

- Luận án đã làm rõ được những vấn đề lý luận cơ bản về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập, đưa ra những quan điểm về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập. Phân tích chỉ rõ những nhân tố ảnh hưởng đến huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập. Đồng thời, luận án nêu ra những kinh nghiệm quốc tế về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN của một số quốc gia và rút ra một số bài học cho Việt Nam.

- Luận án phân tích và đánh giá được thực trạng huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam trên các khía cạnh môi trường kinh tế; khuôn khổ pháp lý huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập; luận giải những mặt còn hạn chế về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam trong thời gian qua theo các nội dung đã đưa ra ở chương 1. Bên cạnh việc đánh giá thực trạng trên cơ sở định tính thì NCS còn sử dụng phương

pháp định lượng nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mong muốn của học viên được đào tạo tại các cơ sở GDNN công lập; cũng như đề xuất các giải pháp về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt nam trong thời gian tới.

- Luận án đề xuất được 02 nhóm giải pháp về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt nam thời gian tới đó là: (i) nhóm giải pháp về đổi mới chi Ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính từ NSNN, trong đó tập trung đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán NSNN cho các cơ sở GDNN gắn với những ngành, lĩnh vực quan trọng của quốc gia; (ii) nhóm giải pháp huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước chủ yếu tập trung hoàn thiện các chính sách về giá dịch vụ, lệ phí và hỗ trợ học sinh, sinh viên tiếp cận nguồn vốn tín dụng, thêm vào đó là điều kiện thực hiện cần rà soát nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong lĩnh vực GDNN công lập; hoàn thiện cơ chế tự chủ, phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực GDNN công lập ở Việt Nam thời gian tới.

6. Kết cấu Luận án

Với mục đích đối tượng và phạm vi nghiên cứu đã trình bày ở trên, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung luận án được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Lý luận về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập.

Chương 2: Thực trạng huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam.

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP

1.1. Giáo dục nghề nghiệp và hệ thống giáo dục nghề nghiệp

1.1.1. Khái niệm giáo dục nghề nghiệp

Cho đến nay, vấn đề GDNN, được các nhà quản lý, các nhà khoa học hết sức quan tâm và đã có nhiều cách tiếp cận khác nhau.

Qua nghiên cứu, luận án cho rằng: Giáo dục nghề nghiệp là một bậc học của hệ thống giáo dục quốc dân nhằm đào tạo trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác cho người lao động, đáp ứng nhu cầu nhân lực trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, được thực hiện theo hai hình thức là đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên.

1.1.2. Đặc điểm giáo dục nghề nghiệp

- Giáo dục nghề nghiệp là loại dịch vụ sự nghiệp công không thuần túy

- Giáo dục nghề nghiệp luôn gắn với yêu cầu của thị trường lao động và chiến lược phát triển kinh tế, xã hội trong từng giai đoạn phát triển của đất nước

- Hội nhập kinh tế quốc tế là xu hướng tất yếu và có những yêu cầu đối với giáo dục nghề nghiệp

- Giáo dục nghề nghiệp có đối tượng là những người lao động trực tiếp trong các cơ sở sản xuất kinh doanh

1.1.3. Vai trò giáo dục nghề nghiệp với phát triển kinh tế, xã hội của một quốc gia

- Giáo dục nghề nghiệp góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

- Giáo dục nghề nghiệp là nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Giáo dục nghề nghiệp tạo cơ hội việc làm, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và góp phần xây dựng xã hội công bằng, bình đẳng giữa các tầng lớp dân cư

1.1.4. Hệ thống Giáo dục nghề nghiệp

Hệ thống giáo dục nghề nghiệp bao gồm:

- Trình độ sơ cấp;
- Trình độ trung cấp;
- Trình độ cao đẳng.

1.2. Huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

1.2.1. Nguồn tài chính và huy động nguồn tài chính

1.2.1.1. Nguồn tài chính

Nguồn tài chính là lượng vốn thực tế dưới dạng tiền tệ và quy đổi ra tiền tệ đã và đang được huy động để phục vụ cho sự phát triển KT-XH của một quốc gia. Theo nghĩa rộng, nguồn tài chính là sự phân bổ các mối quan hệ kinh tế nảy sinh từ các nguồn tài chính ấy. Theo nghĩa hẹp, nói tới nguồn tài chính là nói tới các nguồn vốn. Những nguồn vốn ấy đến từ ngân sách nhà nước, tư nhân, đầu tư nước ngoài, quỹ đầu tư, các quỹ tín thác...

1.2.1.2. Huy động nguồn tài chính

Khi nói đến huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập bao gồm khía cạnh động viên giá trị của cải của Nhà nước, các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào cơ sở GDNN công lập và khía cạnh khai thác giá trị của cải hiện có của cơ sở GDNN công lập.

1.2.2. Nội dung huy động các nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

Đối với nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước: Các cơ sở GDNN, nguồn tài chính tự có là nguồn tài chính chủ sở hữu có từ ban

đầu hoặc nguồn vốn góp ban đầu. Trong lĩnh vực GDNN thì nguồn tài chính tự có đến từ NSNN, được hình thành từ nguồn đầu tư công, thông qua các khoản thu nhập công (Quỹ ngân sách của Chính phủ).

Để nâng cao chất lượng GDNN, các cơ sở GDNN rất cần phải có nguồn tài chính từ các nguồn khác như: Nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước tại các cơ sở GDNN công lập thường được hình thành theo các nguồn:

- Giá dịch vụ của người học
- Thu từ dịch vụ đào tạo
- Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.
- Nguồn tài chính từ các tổ chức tín dụng và cá nhân vay ngân hàng, quỹ đầu tư.
- Nguồn vốn ngoài nước

1.2.3. Các kênh huy động các nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

1.2.3.1. Huy động nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước

Nguồn tài chính do Nhà nước cấp cho GDNN được xem như một khoản kinh phí mua sản phẩm đào tạo, sản phẩm nghiên cứu, mua dịch vụ chuyển giao tri thức, chuyển giao công nghệ hay cấp để thực hiện phúc lợi học tập GDNN cho người dân.

1.2.3.2. Huy động nguồn tài chính ngoài Ngân sách nhà nước

- Huy động từ giá dịch vụ: Giá dịch vụ GDNN do các cơ sở GDNN công lập cung cấp chịu sự chi phối của các yếu tố chủ yếu sau đây: (i), chi phí hình thành và cung ứng dịch vụ GDNN; (ii) mức độ tích lũy tài chính cần thiết; (iii) quan hệ cung cầu các dịch vụ GDNN; (iv) sự điều chỉnh của Nhà nước; (v) hội nhập quốc tế;

- Huy động thông qua hoạt động liên kết;
- Huy động từ các tổ chức tài chính trung gian;

- Huy động từ nguồn khác (nguồn đóng góp, hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong và ngoài nước).

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

1.3.1. Các nhân tố khách quan

- Xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế
- Sự biến động của chu kỳ kinh tế
- Hội nhập, mở cửa nền kinh tế
- Quan niệm của xã hội và chủ trương của Nhà nước đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp
- Khoa học và công nghệ
- Thị trường lao động

1.3.2. Các nhân tố chủ quan

Nhân tố chủ quan là những nhân tố bên trong của từng cơ sở GDNN. Những nhân tố này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động GDNN của các cơ sở GDNN, bao gồm:

- Nguồn nhân lực, chất lượng và cơ cấu nguồn nhân lực
- Cơ sở vật chất và sử dụng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục nghề nghiệp
- Quản trị hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp
- Sử dụng nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

1.4. Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mong muốn của học viên được đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Việc học viên và gia đình có mong muốn theo học nghề hay không cũng chính là câu trả lời cho các câu hỏi liên quan đến vấn đề tuyển sinh và huy động tài chính bởi nguồn thu học phí vẫn là nguồn tài chính quan trọng nhất đối với các cơ sở GDNN. Do đó, việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới mong muốn theo học tại các cơ

sở GDNN của học viên có thể đưa ra các gợi ý quan trọng trong các vấn đề:

- Đánh giá chất lượng giáo dục.

- Xác định học phí GDNN.

- Phát triển các sản phẩm tín dụng để hỗ trợ quá trình học nghề, từ đó tạo thêm nguồn tài chính cho các cơ sở GDNN.

Xuất phát từ lý do trên, NCS tiến hành nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mong muốn theo học nghề của học viên.

Căn cứ vào kết quả của các nghiên cứu trước đây, luận án nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến huy động nguồn tài chính tại các CS GDNN công lập, thông qua mong muốn theo học nghề của học viên với các giả thuyết như sau:

- H1: Trình độ học vấn của học viên có tác động ngược chiều đến cảm nhận mong muốn theo học nghề của học viên

- H2: Lợi ích của GDNN có tác động thuận chiều đến cảm nhận mong muốn theo học nghề của học viên

- H3: Khả năng tiếp cận tín dụng có tác động thuận chiều đến cảm nhận về mong muốn theo học nghề của học viên

- H4: Chính sách hỗ trợ có tác động thuận chiều đến cảm nhận về mong muốn theo học nghề của học viên

Phương trình hồi quy đa biến cho mô hình nghiên cứu đề xuất như sau:

$$Y = \beta_0 + \beta_1 HV + \beta_2 LI + \beta_3 TD + \beta_4 HT$$

Trong đó:

Y: Cảm nhận mong muốn theo học nghề

HV: Trình độ học vấn

LI: Lợi ích của GDNN

TD: Khả năng tiếp cận tín dụng

T: Chính sách hỗ trợ học viên

1.5. Kinh nghiệm huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của một số quốc gia và bài học đối với Việt Nam

Luận án đã nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia như: Mỹ, Cộng hòa liên bang Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore và Malaysia.

- Kinh nghiệm của Mỹ: Ở Mỹ đầu tư của NSNN cho hoạt động GDNN được chú trọng, song họ không ngừng đổi mới phương thức đầu tư của NSNN cho GDNN.

- Kinh nghiệm của Cộng hòa liên bang Đức: Nói chung sự phát triển giáo dục đào tạo, trong đó có GDNN ở Cộng hòa liên bang Đức được chỉ đạo một quan điểm xuyên suốt là “Chỉ có những người được giáo dục và đào tạo tốt mới đưa nước Đức vào vị trí hàng đầu trong cuộc chạy đua toàn cầu đồng thời tự mình tham gia một cách tốt nhất vào sự phát triển đó.

- Kinh nghiệm của Nhật Bản: Hệ thống sau trung học gồm trường đại học tổng hợp, cao đẳng, cao đẳng công nghệ cũng như trường đào tạo chuyên ngành có nhiệm vụ trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước.

- Kinh nghiệm của Hàn Quốc: Chính phủ Hàn Quốc coi đào tạo nhân lực là nhiệm vụ ưu tiên trong giáo dục để đảm bảo có nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa. Giáo dục được thực hiện song hành với tiến trình công nghiệp hóa.

- Kinh nghiệm của Singapore: Các nhà lãnh đạo Singapore cho rằng thành công trong cuộc chạy đua về phát triển giáo dục và đạo sẽ thành công trong việc chạy đua về phát triển kinh tế. Vì vậy, ngay từ thế kỷ XXI Chính phủ Singapore đã dành từ 3-5% GDP đầu tư cho giáo dục đào tạo, và hiện nay chiếm khoảng 10% GDP.

- Kinh nghiệm của Malaysia: Malaysia, một trong những nước có thành tựu phát triển kinh tế tốt nhất khu vực Đông Nam Á. Có được

thành tựu kinh tế như vậy, là nhờ Malaysia quan tâm đầu tư đến nguồn nhân lực.

Từ đó rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

Thứ nhất, phân bổ nguồn NSNN theo theo kết quả đầu ra của hoạt động cho các cơ sở GDNN.

Thứ hai, thực hiện xã hội hóa nguồn lực tài chính đầu tư cho GDNN thông qua việc đào tạo tại chính các công ty, doanh nghiệp.

Thứ ba, gắn kết việc huy động và sử dụng nguồn tài chính với công tác quy hoạch hệ thống GDNN.

Chương 2

THỰC TRẠNG HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM

2.1. Tổng quan về giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam

2.1.1. Những thành tựu đã đạt được

Kết quả triển khai các văn bản pháp luật trong thực tiễn đã tạo những chuyển biến ban đầu về chất lượng GDNN, cụ thể:

- *Một là*, hình thành được một hệ thống GDNN thống nhất, vận hành theo quy định của Luật GDNN;

- *Hai là*, tuyển sinh năm 2017 đã có những chuyển biến tích cực, đạt chỉ tiêu kế hoạch.

- *Ba là*, xuất hiện ngày càng nhiều mô hình các cơ sở đào tạo chất lượng cao.

- *Bốn là*, nhận thức của người dân, xã hội về GDNN đã có sự chuyển biến tích cực.

2.1.2. Những bất cập trong giáo dục nghề nghiệp

- Hiệu quả công tác giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế

- Chất lượng giáo dục nghề nghiệp chưa cao

- Xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế

2.2. Thực trạng huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

2.2.1. Thực trạng huy động nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

2.2.1.1. Tình hình chi ngân sách Nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp công lập

Trong cơ cấu chi cho GDNN từ NSNN đã được bố trí ưu tiên cho vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng biên giới, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thể hiện qua hệ số phân bổ.

Chi ngân sách Nhà nước cho hệ thống giáo dục nghề nghiệp so với tổng chi ngân sách Nhà nước

Năm	NSNN chi cho GDNN (Tỷ đồng)	So với GDP (%)	So với tổng chi NSNN (%)	So với tổng chi GD&ĐT (%)
2006	3.673	0,38	1,24	6,7
2007	4.443	0,39	1,36	7,15
2008	5.585	0,41	1,47	7,35
2009	6.670	0,45	1,5	7,5
2010	8.811	0,46	1,45	8,53
2011	9.800	0,45	1,63	8,16
2012	10.746	0,47	1,55	8,08
2013	11.784	0,46	1,21	8,15
2014	14.308	0,53	1,42	8,2
2015	16.453	0,57	1,43	8,33
2016	15.884	0,54	1,25	8,12
2017	15.312	0,51	1,19	7,96

Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017)

2.2.1.2. Thực trạng huy động nguồn tài chính từ ngân sách Nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp

Trong giai đoạn 2006 - 2017, NSNN dành cho GDNN công lập chủ yếu tập trung vào các đối tượng chính sách, đầu tư cho các vùng,

các khu vực chưa có khả năng xã hội hóa GDNN, đầu tư cho các nghề trọng điểm quốc gia..., đồng thời phương thức cấp phát của NSNN cũng đã có sự thay đổi căn bản chuyển từ cấp phát theo các yếu tố chi phí đầu vào, sang phương thức cấp phát gắn với cơ chế đặt hàng giao nhiệm vụ của các cơ quan quản lý Nhà nước.

2.2.2. Thực trạng huy động từ nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước

2.2.2.1. Tổng quan chung về huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước

Nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: Tỷ đồng; %

Năm	Nguồn ngoài NSNN	Dân đóng góp (học phí)		Thu SXKD, dịch vụ		Đầu tư, tài trợ trong nước		Đầu tư, tài trợ ngoài nước	
2006	789	387	49,0	73	9,25	75	9,51	254	32,19
2007	1.021	496	49,0	86	8,42	99	9,70	340	33,30
2008	1.067	593	56,0	95	8,90	119	11,15	260	24,37
2009	1.103	693	63,0	104	9,43	139	12,60	167	15,14
2010	1.789	1.242	69,0	114	6,37	155	8,66	278	15,54
2011	1.801	1.256	70,0	126	7,00	126	7,00	293	16,27
2012	1.726	1.293	75,0	139	8,05	129	7,47	165	9,56
2013	1.997	1.549	78,0	152	7,61	155	7,76	141	7,06
2014	2.339	1.678	72,0	168	7,18	168	7,18	325	13,89
2015	2.549	1.831	72,0	190	7,45	192	7,53	336	13,18
2016	2.823	1.989	70,0	225	7,97	228	8,08	381	13,50
2017	3.557	2.506	70,0	290	8,16	294	8,27	466	13,11
Tổng	22.561	15.513		1.762		1.879		3.406	

Nguồn: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2017)

2.2.2.2. Huy động nguồn tài chính từ giá dịch vụ

Nguồn thu giá dịch vụ thu được hàng năm của cơ sở GDNN công lập phụ thuộc vào hai yếu tố: (i) Chính sách học phí theo ngành nghề, khu vực của Nhà nước; (ii) thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành nghề và khu vực của các cơ sở GDNN công lập.

Một là, về chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ lãnh đạo trong các cơ sở GDNN công lập.

Hai là, về chương trình đào tạo có chất lượng với giá dịch vụ cung cấp

Ba là, về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

2.2.2.3. Huy động nguồn tài chính từ hoạt động liên kết và cung cấp dịch vụ

Nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên kết đào tạo, cung cấp dịch vụ của các cơ sở GDNN công lập trong 12 năm qua chỉ chiếm 7,74% tổng số thu ngoài NSNN.

2.2.2.4. Huy động từ nguồn tài chính từ đầu tư, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước

Để có nguồn thu từ hoạt động đầu tư, tài trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngoài các biện pháp nâng cao uy tín, thương hiệu như đã trình bày ở trên, thì biện pháp tuyên truyền, quảng bá hoạt động của GDNN và đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết trong đào tạo là những biện pháp quan trọng đối với các công lập.

- Thứ nhất, đối với biện pháp tuyên truyền, quảng bá hoạt động GDNN

- Thứ hai, hợp tác, nhận tài trợ giữa cơ sở GDNN công lập với các tổ chức, cá nhân

2.2.3. Kết quả mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mong muốn của sinh viên được đào tạo tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

2.2.3.1. Chọn mẫu và thu thập dữ liệu

2.2.3.2. Phân tích dữ liệu

Sau khi thu về 306 phiếu trả lời hợp lệ, NCS mã hóa và nhập số liệu, sau đó tiến hành phân tích dữ liệu bằng phần mềm SPSS phiên bản 22. Các thang đo trong nghiên cứu này được kiểm định qua đánh giá độ tin cậy Cronbach alpha và phương pháp phân tích nhân tố khám phá EFA. Cuối cùng phân tích hồi quy đa biến để kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Phương trình hồi quy tuyến tính với biến phụ thuộc cảm nhận mong muốn theo học nghề như sau:

$$Y = 1.091 - 0.460 HV + 0.078 LI + 0.183 TD + 0.174 HT$$

Trong đó:

- HV: Trình độ học vấn
- LI: Lợi ích của GDNN
- TD: Khả năng tiếp cận tín dụng
- HT: Chính sách hỗ trợ học viên

Phương trình hồi quy cho thấy hệ số β_1 nhỏ hơn 0 (chứng tỏ mối quan hệ ngược chiều giữa biến độc lập và cảm nhận mong muốn theo học nghề), các hệ số β chuẩn hóa khác đều lớn hơn 0 (chứng tỏ mối quan hệ thuận chiều giữa các biến độc lập và cảm nhận mong muốn theo học nghề). Như vậy toàn bộ các giả thuyết đều được ủng hộ bởi bộ dữ liệu nghiên cứu.

2.3. Đánh giá thực trạng huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

2.3.1. Những kết quả đạt được

Một là, Trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật ban hành của Nhà nước, các cơ sở GDNN đã vận dụng huy động được số lượng nguồn tài chính nhất định phục cho thực hiện chiến lược GDNN.

Hai là, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo tại các cơ sở GDNN để có nguồn học phí phù hợp.

Ba là, xã hội hóa nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN

2.3.2. Những hạn chế

- Các cơ sở GDNN vẫn chủ yếu phụ thuộc vào nguồn vốn từ NSNN.

- Nguồn thu từ giá dịch vụ của các cơ sở GDNN mặc dù đã chiếm tỷ lệ cao nhất trong các nguồn thu ngoài NS, nhưng vẫn chưa tương xứng với thu nhập của người dân, đặc biệt là người dân đô thị.

- Các cơ sở GDNN chưa có biện pháp tăng tỷ lệ huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách về liên doanh liên kết.

- Huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách từ chính sách tín dụng và học bổng cho sinh viên còn thấp

- Quản lý tài chính cho GDNN nói chung và cho hoạt động huy động nguồn tài chính chưa theo kịp thực tiễn.

2.3.3. Một số nguyên nhân

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Một là, nhận thức về vị trí, vai trò hoạt động GDNN đối với quá trình phát triển KT - XH nói chung còn hạn chế, công tác tuyên truyền chưa được chú trọng đúng mức.

Hai là, hệ thống cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động GDNN tuy được Nhà nước hết sức chú trọng, song nhìn chung chưa đồng bộ, thiếu sự nhất quán giữa các chính sách đối với hoạt động GDNN.

Ba là, sự quyết tâm thúc đẩy, phát triển GDNN của hệ thống chính trị còn chưa cao, chưa thực sự coi hoạt động GDNN là nhân tố quyết định tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho tăng trưởng kinh tế.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính ở một số cơ sở GDNN công lập chưa thật sự hiệu quả

- Các biện pháp xã hội hóa GDNN nói chung, xã hội hóa nguồn tài chính đầu tư phát triển GDNN mới chủ yếu tập trung vào các địa phương, các vùng kinh tế phát triển.

- Các cơ sở GDNN công lập ít quan tâm đến các nội dung, biện pháp, hình thức tuyên truyền, quảng bá hoạt động GDNN của mình.

- Chưa có nhiều giải pháp hữu hiệu trong việc triển khai cơ chế tự chủ, nhất là hoạt động huy động nguồn tài chính ngoài NSNN.

- Chưa chủ động trong gắn kết với doanh nghiệp tham gia một cách tích cực chủ động vào hoạt động GDNN.

Chương 3

GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG NGUỒN TÀI CHÍNH TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP CÔNG LẬP Ở VIỆT NAM

3.1. Mục tiêu phát triển giáo dục nghề nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030

Đến năm 2020, GDNN đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu nghề và trình độ đào tạo, chất lượng đào tạo của một số nghề đạt trình độ các nước phát triển trong khu vực ASEAN và thế giới.

3.2. Những quan điểm về huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam

- *Một là*, coi đầu tư nguồn tài chính cho hoạt động GDNN là đầu tư phát triển.

- *Hai là*, coi nguồn đầu tư của NSNN có tính chất “vốn môi” phát huy tác dụng lan tỏa, kích thích các nguồn vốn ngoài NSNN đầu tư phát triển GDNN.

- *Ba là*, hoàn thiện các giải pháp huy động nguồn tài chính theo hướng tăng tỷ trọng nguồn tài chính ngoài NSNN cho đầu tư phát triển hoạt động GDNN đối với các cơ sở GDNN công lập.

- *Bốn là*, gắn huy động với sử dụng, quản lý có hiệu quả nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập.

- *Năm là*, quán triệt nguyên tắc công bằng bình đẳng, công khai, minh bạch trong các giải pháp huy động nguồn tài chính tại các cơ sở GDNN công lập.

3.3. Giải pháp huy động nguồn tài chính tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập

3.3.1. *Đổi mới chi Ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp nhằm đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước*

Thứ nhất, Đổi mới cơ chế phân bổ, giao dự toán NSNN cho các cơ sở GDNN gắn với những ngành, lĩnh vực quan trọng. Thực hiện tái cấu trúc hệ thống các cơ sở GDNN công lập, bảo đảm nâng cao hiệu quả công tác quản trị hoạt động GDNN trong các cơ sở GDNN công lập, đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chủ trương xã hội hóa, nhất là xã hội hóa nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động GDNN và mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động GDNN đối với các cơ sở GDNN công lập.

Thứ hai, hoàn thiện, đổi mới chính sách học bổng, chính sách xã hội. Việc đổi mới cơ chế phân bổ tài chính theo hướng: Thể chế hóa và công khai hóa việc đổi mới quy trình phân bổ tài chính đầu tư cho lĩnh vực GDNN. Hoàn thiện hệ thống định mức phân bổ tài chính đầu tư cho lĩnh vực GDNN phù hợp và tiến tới tăng quyền hạn gắn chặt với trách nhiệm tự chủ tài chính của các đơn vị sử dụng ngân sách và các nguồn lực công.

Thứ ba, ngân sách Nhà nước đầu tư cho GDNN cần được thực hiện theo chương trình phát triển GDNN.

Thứ tư, Kiểm tra, giám sát và nâng cao hiệu quả chi NSNN cho GDNN.

3.3.2. *Giải pháp huy động nguồn tài chính ngoài ngân sách Nhà nước*

** Hoàn thiện các chính sách về giá dịch vụ, lệ phí*

Thực hiện soát xét, phân tích đánh giá lại chính sách giá dịch vụ, lệ phí trong GDNN hiện hành áp dụng đối với các cơ sở GDNN công lập, từ đó xem xét những mặt tích cực, những mặt hạn chế, bất cập của chính sách giá dịch vụ thời gian qua. Khảo sát đánh giá lại một cách cụ thể, khách quan kinh phí sử dụng GDNN bình quân trên đầu một học sinh theo từng cấp học và tính toán mức học phí bảo đảm kinh phí đào tạo nghề cho một học sinh theo từng cấp học.

** Hỗ trợ học sinh, sinh viên tiếp cận nguồn vốn tín dụng*

Tín dụng sinh viên là các khoản tín dụng dài hạn, vì HSSV có nhu cầu tín dụng trong suốt thời gian theo học và không có khả năng trả trong ngắn hạn. Các khoản tín dụng này chỉ có thể thanh toán sau khi HSSV ra trường có việc làm, có thu nhập mới có khả năng trả nợ. Việc trả nợ song phẳng của người vay có ý nghĩa rất lớn đối với chương trình Tín dụng sinh viên, nhằm đảm bảo tái tạo nguồn vốn để duy trì hoạt động của các tổ chức tín dụng. Ở các quốc gia khó tìm kiếm việc làm, đặc biệt việc làm có thu nhập thấp, việc trích một phần thu nhập để trả nợ các tổ chức tín dụng là khó khăn. Trong bối cảnh đó, đạo đức khách hàng trong trả nợ tín dụng sẽ ảnh hưởng rất lớn đến các quan hệ tín dụng.

Chương trình tín dụng đối với học sinh sinh viên nhằm mục đích sử dụng nguồn lực của Nhà nước để cung cấp tín dụng ưu đãi cho học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn được vay vốn học tập; không để học sinh, sinh viên nào phải bỏ học vì lý do không có khả năng đóng học phí và trang trải các nhu cầu sinh hoạt tối thiểu. Đồng thời, tạo cơ hội học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn có thể tiếp tục con đường học tập của mình, góp phần vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho đất nước. Đặc

biệt là những học sinh sinh viên đang theo học tại các cơ ở GDNN công lập ở Việt Nam.

** Gia tăng các khoản thu hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập*

Cần có soát xét, đánh giá hiện trạng các xưởng trường trong các cơ sở GDNN công lập, từ đó xác lập chính sách và hỗ trợ đầu tư hệ thống các xưởng trường bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng GDNN và tạo ra nhiều sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao có thể thương mại hóa. Rà soát lại chính sách đất đai, chính sách thuế, chính sách tín dụng ưu đãi..., trên cơ sở đó hoàn thiện hệ thống chính sách này theo hướng khuyến khích đầu tư, tạo điều kiện phát triển các cơ sở GDNN.

Xây dựng chủ trương tận dụng các cơ sở xưởng trường hiện có để tạo ra những sản phẩm cần thiết thực hiện xã hội hóa sản phẩm tăng thêm nguồn thu của nhà trường. Đương nhiên, để có thể thực hiện chủ trương tận dụng các cơ sở vật chất, trang thiết bị của xưởng trường làm ra nhiều sản phẩm có thể xã hội hóa, các cơ sở GDNN công lập một mặt phải nghiên cứu nhu cầu tiêu dùng của thị trường về sản phẩm, mặt khác soát xét lại năng lực về nhân lực, về trang thiết bị, từ đó thực hiện quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm cung cấp cho thị trường.

** Đẩy mạnh thu hút đầu tư, tài trợ của các tổ chức cá nhân*

- Thu hút đầu tư, tài trợ của các tổ chức cá nhân trong nước.
- Mở rộng thu hút đầu tư, tài trợ của các tổ chức cá nhân nước ngoài.
- Xây dựng cơ chế thu hút nguồn thu từ các doanh nghiệp và người sử dụng các sản phẩm đào tạo và khoa học - công nghệ.

- Xây dựng phương thức huy động nguồn tài chính thông qua sự tham gia của khu vực tư nhân trong GDNN

Cần thiết xem xét các cách thức tham gia của khu vực tư nhân trong GDNN như: Đối thoại công - tư, sự đóng góp đến phát triển chương trình đào tạo và quá trình đào tạo, đóng góp của khu vực tư nhân hỗ trợ tài chính cho GDNN,... trên cơ sở kinh nghiệm vùng và bối cảnh Việt Nam. Tăng cường vai trò của các hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp vào quản lý dạy nghề; xây dựng chương trình dạy nghề theo hướng đổi mới phù hợp với nội dung hội nhập KTQT.

- Khuyến khích các cá nhân, tổ chức đóng góp từ thiện cho phát triển GDNN.

- Tăng nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ đào tạo liên kết

3.4. Điều kiện thực hiện

3.4.1. rà soát nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý tài chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

Sửa đổi, bổ sung những quy định về tài chính đối với GDNN trong các văn bản pháp lý cao nhất có liên quan như Luật GDNN, Luật NSNN. Đối với Luật GDNN cần có điều khoản cụ thể về đầu tư cho GDNN theo hướng cụ thể hóa quy định cho phù hợp với tính chất, đặc điểm riêng có của lĩnh vực GDNN. Đối với Luật NSNN cần sửa đổi, bổ sung quy định cụ thể về vai trò, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành ở Trung ương và địa phương trong việc tham gia vào quá trình xây dựng, tổng hợp, phân bổ giám sát ngân sách GDNN, đồng thời cần có quy định loại chi riêng cho lĩnh vực GDNN trong Mục lục NSNN.

3.4.2. Hoàn thiện cơ chế tự chủ, phát triển xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp

- Bổ trí NSNN và huy động các nguồn lực ngoài NSNN để đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực GDNN.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế để tăng nguồn tài chính cho GDNN.

- Đơn giản hóa các điều kiện tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi của NHPT và của các Quỹ phát triển đào tạo nghề.

- Song song với việc đơn giản hóa các điều kiện thủ tục tiếp cận tín dụng ưu đãi, cần có chính sách khuyến khích các chủ thể đầu tư vốn vào các Quỹ phát triển nghề.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra và xử lý các vi phạm trong xã hội hóa dịch vụ công trong lĩnh vực GDNN.

KẾT LUẬN

Các nội dung và kết quả nghiên cứu của luận án đã tập trung giải quyết những vấn đề sau:

- Phân tích các luận cứ khoa học cho thấy sự cần thiết phải triển khai và tăng cường huy động nguồn tài chính, đặc biệt là nguồn tài chính ngoài NSNN cho các cơ sở GDNN.

- Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, các cơ sở GDNN công lập của Việt Nam giữ vai trò chủ đạo, góp phần cung cấp đội ngũ người làm nghề có trình độ cao.

- Phân tích và đi đến thống nhất quan niệm, nội dung, phương thức huy động nguồn tài chính, đặc biệt là nguồn tài chính ngoài ngân sách cho các cơ sở GDNN công lập.

- Phân tích thực trạng huy động nguồn tài chính cho các cơ sở GDNN công lập ở Việt Nam để thấy được những kết quả đạt được

những hạn chế, nguyên nhân làm giảm khả năng thu hút các nguồn lực xã hội hóa,. Đây là một trong các nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học của các cơ sở GDNN công lập.

- Trên cơ sở định hướng của Nhà nước về đổi mới GDNN công lập Việt nam đến năm 2020, luận án đề xuất một số giải pháp huy động nguồn tài chính cho các cơ sở GDNN công lập theo hướng gắn với kết quả và chất lượng đầu ra đảm bảo phát triển nguồn lực tài chính bền vững.

- Để thực hiện tốt các giải pháp đã đề xuất, luận án đưa ra những điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm đổi mới cơ chế huy động nguồn tài chính tại các cơ sở đào tạo GDNN, tạo điều kiện tốt nhất để các cơ sở GDNN huy động và sử dụng hiệu quả nguồn tài chính.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Trần Thế Lữ (11/2014), "Cần thực hiện đúng kế hoạch, lộ trình tăng lương cho cán bộ công chức, viên chức", *Tạp chí Lao động và xã hội* (490).
2. Trần Thế Lữ (03/2015), "Một số giải pháp phát triển dạy nghề góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam", *Tạp chí Lao động và xã hội* (499).
3. Trần Thế Lữ (6/2017), "Tự chủ tài chính – “Chìa khóa” giúp cơ sở GDNN trụ vững", *Tạp chí Thanh tra tài chính* (180).
4. Trần Thế Lữ (4/2018). "Cơ chế tự chủ - “chìa khóa” huy động nguồn tài chính cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp", *Tạp chí Nghiên cứu Tài chính Kế toán* (04/177).
5. Trần Thế Lữ (5/2018), "Huy động nguồn lực tài chính phát triển giáo dục nghề nghiệp công lập ở Việt Nam", *Tạp chí Tài chính Kỳ I* (680).